

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ  
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	11

# TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019.

### Hội đồng Thành viên

Ông Phạm Huy Bình  
Ông Nguyễn Bình Minh  
Ông Võ Văn Tuấn

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bình Minh  
Ông Võ Anh Tài  
Ông Nguyễn Đông Hòa  
Ông Trương Tấn Sơn

Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2020)

### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Bình Minh

Tổng Giám đốc

### Trụ sở chính

23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

# TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

## PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 6 đến trang 51. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Nguyễn Bình Minh  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2020 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 14 tháng 8 năm 2020. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 51.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

### (a) Ghi nhận lợi nhuận, cổ tức được chia từ các khoản đầu tư tài chính

Theo Nghị quyết số 092A/2020/NQ-HĐTV ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn ("SECC"), một công ty con của Tổng Công ty; Nghị quyết số 03/QĐ/SCTV ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist ("SCTV"), một công ty liên doanh của Tổng Công ty; Nghị quyết số 05/2020/HĐQT/NQ ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ("Phú Thọ"), một công ty liên kết của Tổng Công ty; và Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Phú Quốc ("Sài Gòn Phú Quốc"), một công ty liên kết của Tổng Công ty; SECC, SCTV, Phú Thọ và Sài Gòn Phú Quốc đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019 cho Tổng Công ty với tổng số tiền là 125.627.160.217 Đồng. Tuy nhiên Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản lợi nhuận, cổ tức này trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nếu Tổng Công ty ghi nhận các khoản lợi nhuận, cổ tức này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác thì chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ tăng tương ứng 125.627.160.217 Đồng.

### (b) Số liệu so sánh

Theo Nghị quyết ngày 8 tháng 1 năm 2019 của Hội đồng Thành viên của Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Inn ("SG Inn"), một công ty liên doanh của Tổng Công ty; và Nghị quyết số 04/TB-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mê Kông ("Công ty Du lịch Mê Kông"), một công ty liên kết của Tổng Công ty; SG Inn và Công ty Du lịch Mê Kông đã quyết định và thực hiện chia lợi nhuận, cổ tức bằng tiền cho Tổng Công ty với tổng số tiền là 291.621.526.900 Đồng. Tuy nhiên Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản lợi nhuận, cổ tức này trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019. Nếu Tổng Công ty ghi nhận các khoản lợi nhuận, cổ tức này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác thì chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ tăng 291.621.526.900 Đồng.

## Kết luận ngoại trừ

Trên cơ sở soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các lý do nêu trong đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## Các vấn đề cần nhấn mạnh

### (a) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Thuyết minh 2.17 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cho thấy tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC *Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp* do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

### (b) Công nợ tiềm tàng

Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cho thấy tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty đã ghi nhận một khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến khoản tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (từng là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2003 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016).

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

## Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM9794  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.956.533.802.011	3.416.352.147.726
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	602.870.721.076	1.093.829.818.920
111	Tiền		128.970.721.076	198.712.400.346
112	Các khoản tương đương tiền		473.900.000.000	895.117.418.574
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.922.700.000.000	1.845.866.273.973
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	1.922.700.000.000	1.845.866.273.973
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		397.276.729.474	445.642.662.157
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	139.871.445.889	167.543.775.814
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.731.965.335	6.759.830.077
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	301.959.932.195	321.625.670.211
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(56.088.853.695)	(56.088.853.695)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		5.802.239.750	5.802.239.750
140	Hàng tồn kho		11.863.793.330	14.287.850.098
141	Hàng tồn kho		11.863.793.330	14.287.850.098
150	Tài sản ngắn hạn khác		21.822.558.131	16.725.542.578
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		8.779.767.906	12.720.907.112
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	13.042.790.225	4.004.635.466

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 01a – DN

BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.833.926.500.357</b>	<b>5.764.321.469.141</b>
210	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>46.531.057.274</b>	<b>46.546.057.274</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	46.531.057.274	46.546.057.274
220	<b>Tài sản cố định</b>		<b>742.254.553.762</b>	<b>786.838.510.547</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	712.951.133.753	755.599.378.633
222	Nguyên giá		2.607.588.852.692	2.606.024.390.725
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.894.637.718.939)	(1.850.425.012.092)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	29.303.420.009	31.239.131.914
228	Nguyên giá		82.398.957.521	82.398.957.521
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(53.095.537.512)	(51.159.825.607)
230	<b>Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>12.259.657.392</b>	<b>13.364.218.392</b>
231	Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(76.952.178.033)	(75.847.617.033)
240	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>578.689.255.852</b>	<b>546.297.503.008</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	578.689.255.852	546.297.503.008
250	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.368.931.542.928</b>	<b>4.281.431.473.994</b>
251	Đầu tư vào công ty con	5(a)	1.182.787.483.689	1.182.787.483.689
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(b)	2.633.636.789.502	2.546.136.759.461
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	738.214.360.459	738.214.321.566
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(d)	(185.707.090.722)	(185.707.090.722)
260	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>85.260.433.149</b>	<b>89.843.705.926</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	77.074.356.681	81.657.629.458
262	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	16	8.186.076.468	8.186.076.468
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>8.790.460.302.368</b>	<b>9.180.673.616.867</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		739.140.545.347	833.694.537.546
310	Nợ ngắn hạn		611.702.770.994	703.498.282.143
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	26.152.895.553	55.120.903.577
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.769.512.594	33.846.476.266
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	199.881.135.166	186.496.892.919
314	Phải trả người lao động		92.681.987.312	159.925.050.023
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		19.120.655.932	2.442.698.838
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		31.232.446.625	36.827.509.794
319	Phải trả ngắn hạn khác	14(a)	124.489.465.902	84.515.751.061
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	103.374.671.910	144.322.999.665
330	Nợ dài hạn		127.437.774.353	130.196.255.403
337	Phải trả dài hạn khác	14(b)	93.773.844.697	96.529.325.323
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.663.929.656	33.666.930.080
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.051.319.757.021	8.346.979.079.321
410	Vốn chủ sở hữu		8.051.319.757.021	8.346.979.079.321
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	18	421.424.540.672	421.424.540.672
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	401.240.707.185	401.240.707.185
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	817.899.509.164	1.113.558.831.464
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		814.166.829.160	411.017.279.429
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		3.732.680.004	702.541.552.035
440	TỔNG NGUỒN VỐN		8.790.460.302.368	9.180.673.616.867

Trần Văn Huy  
Người lập

Trần Doãn Định  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bình Minh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2020 VND	30.6.2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.219.313.568	1.001.434.655.227
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20 474.219.313.568	1.001.434.655.227
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21 (420.923.825.846)	(609.043.714.642)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.295.487.722	392.390.940.585
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22 70.009.704.833	188.328.799.094
22	Chi phí tài chính	23 (74.244.048)	(69.117.126)
25	Chi phí bán hàng	24 (31.186.117.656)	(61.216.092.458)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 (89.867.191.061)	(109.798.128.040)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.177.639.790	409.636.402.055
31	Thu nhập khác	3.163.999.154	3.075.690.586
32	Chi phí khác	(1.107.372.250)	(429.984.158)
40	Lợi nhuận khác	26 2.056.626.904	2.645.706.428
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.234.266.694	412.282.108.483
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	27 (501.586.690)	(58.120.523.466)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	16, 27 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.732.680.004	354.161.585.017

Trần Văn Huy  
Người lập

The red circular stamp contains the following text:  
 N.S.D.N. 0300625210-C  
 TỔNG CÔNG TY  
 DU LỊCH  
**SÀI GÒN**  
 \* TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 MỘT THÀNH VIÊN  
 SAIGONTOURIST  
 QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Doãn Định  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Bình Minh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2020 VND	30.6.2019 VND
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.234.266.694	412.282.108.483
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	28 43.095.089.992 (66.226.060.766)	75.511.310.047 (159.114.819.917)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(18.896.704.080)	328.678.598.613
09	Giảm các khoản phải thu	9.499.897.799	23.279.837.027
10	Giảm hàng tồn kho	2.424.056.768	1.215.933.401
11	Giảm các khoản phải trả	(7.758.822.167)	(511.378.852.594)
12	Giảm chi phí trả trước	9.274.588.675	12.680.469.838
15	Thuế TNDN đã nộp	(30.259.178.303)	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	10.039.096.582
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(40.948.327.755)	(57.704.702.671)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(76.664.489.063)	(193.189.619.804)
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(42.254.945.792)	(56.440.880.294)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	147.441.970	740.182.253
23	Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(2.924.802.064.484)	(1.251.812.378.029)
24	Tiền thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	2.847.968.338.457	858.494.369.517
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(87.500.000.000)	(75.838.356.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	97.146.621.068	229.224.293.998
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(109.294.608.781)	(295.632.768.555)
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Tiền lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(305.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(305.000.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(490.959.097.844)	(488.822.388.359)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	3 1.093.829.818.920	1.657.541.909.794
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3 602.870.721.076	1.168.719.521.435

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được được trình bày tại Thuyết minh 29.

Trần Văn Huy  
Người lập

Trần Doãn Định  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bình Minh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 31 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Theo quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo hình thức Công ty Mẹ - Công ty con", Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 1 tháng 9 năm 2010 (đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại số 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;
- Kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng sông;
- Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải đường thủy;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;

## 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
- Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mỳ, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Mua bán hàng tiêu thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
- Đại lý bảo hiểm; và
- Đại lý bán vé tàu hỏa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có 13 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Khách sạn Bến Thành;
- Khách sạn Cửu Long;
- Khách sạn Đồng Khởi;
- Khách sạn Hoàn Cầu;
- Làng du lịch Bình Quới;
- Khách sạn Kim Đô;
- Khách sạn Đồng Khánh;
- Khách sạn Thiên Hồng;
- Khách sạn Đệ Nhất;
- Trường trung cấp Du lịch Khách sạn Saigontourist;
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Côn Đảo;
- Khách sạn Oscar Sài Gòn; và
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Móng Cái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có 10 công ty con và 29 công ty liên doanh, liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 5.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có 3.874 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4.082 nhân viên).

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tổng Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Tổng Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### 2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

### 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.8 Đầu tư tài chính

#### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

#### (b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

#### (c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

#### (d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

#### (e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết; đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tổng Công ty áp dụng Nghị định 91/2015/NĐ-CP Về *đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp* do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 ("Nghị định 91/2015/NĐ-CP"), theo đó dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết; đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Tổng Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

### 2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Tổng Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát.

- (i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.
- (ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.
  - Nếu Tổng Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong năm; hoặc
  - Nếu Tổng Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Tổng Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

#### *TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

#### *Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4,0%-20,0%
Máy móc, thiết bị	10,0%-20,0%
Phương tiện vận tải	16,7%-33,3%
Thiết bị quản lý	20,0%-33,3%
Phần mềm vi tính	20,0%-33,3%
TSCĐ khác	6,6%-20,0%

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo số năm được quy định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

#### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động doanh nghiệp.

#### *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

### 2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.12 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

#### Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê

##### *Khấu hao*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm của các loại tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	4,0%
Nhà cửa, vật kiến trúc	4,0%
Bất động sản đầu tư khác	20,0%

##### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn, chủ yếu là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.15 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### 2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### 2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Tổng Công ty áp dụng thông tư 180/2012/TT-BTC *Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp* do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, nên Tổng Công ty không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động. Khi người lao động nghỉ việc, Tổng Công ty sẽ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc thực tế phát sinh vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về khoản doanh thu tương ứng với giá trị dịch vụ mà Tổng Công ty sẽ cung cấp trong vòng 12 tháng tiếp theo. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.19 Phân chia lợi nhuận**

LNST có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

**(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tổng Công ty. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, đền ngô tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

**(b) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST hàng năm và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP.

**2.20 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### (b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### (c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

#### (d) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức, lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

### 2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn; chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

### 2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm chi phí quảng cáo dịch vụ cung cấp; chi phí hoa hồng; chi phí bảo quản, đóng gói và các chi phí khác.

### 2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khẩu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10, 9);

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Tiền mặt	21.751.393.718	26.354.955.258
Tiền gửi ngân hàng	106.967.504.321	171.047.669.802
Tiền đang chuyển	251.823.037	1.309.775.286
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>473.900.000.000</u>	<u>895.117.418.574</u>
	<u>602.870.721.076</u>	<u>1.093.829.818.920</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm cho tiền gửi bằng Đồng Việt Nam (tại 31 tháng 12 năm 2019: lãi suất từ 5,0%/năm đến 5,5%/năm cho tiền gửi bằng Đồng Việt Nam).

**4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 thể hiện các khoản tiền gửi kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi 6 tháng với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,4%/năm cho tiền gửi bằng Đồng Việt Nam (tại 31 tháng 12 năm 2019: lãi suất từ 5,9%/năm đến 7,5%/năm cho tiền gửi bằng Đồng Việt Nam).

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Mẫu số B 09a – DN

**5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

(a) Đầu tư vào công ty con

	30.6.2020	31.12.2019	
		Giá trị VND	% sở hữu
Công ty Liên Doanh Hội Chợ Triển lãm Sài Gòn	547.736.968.560	60,00%	547.736.968.560
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	107.322.220.000	57,85%	107.322.220.000
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	94.255.660.000	51,39%	94.255.660.000
Công ty TNHH MTV DVDL Lữ Hành Saigontourist	85.388.022.179	100,00%	85.388.022.179
Công ty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc	75.476.000.000	80,00%	75.476.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Thương mại Phú Thọ	72.091.152.950	61,10%	72.091.152.950
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bé	60.460.000.000	74,18%	60.460.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Dak Lak	47.632.860.000	50,81%	47.632.860.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Phú Yên	46.604.000.000	62,98%	46.604.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	45.820.600.000	52,43%	45.820.600.000
 Tổng giá trị đầu tư vào công ty con	 1.182.787.483.689		
			1.182.787.483.689

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con do cổ phiếu các công ty trên chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Mẫu số B 09a – DN

**5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

**Công ty liên doanh**

	30.6.2020		31.12.2019	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigontourist	313.350.000.000	50,00%	313.350.000.000	50,00%
Công ty Liên doanh Hoa Việt	181.923.000.000	20,00%	181.923.000.000	20,00%
Công ty Liên doanh Hữu Hạn Khách sạn Chains Caravelle	145.218.466.874	49,00%	145.218.466.874	49,00%
Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Inn	56.246.776.500	25,00%	56.246.776.500	25,00%
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Hué	34.607.500.000	50,00%	34.607.500.000	50,00%
Công ty TNHH Phát triển Nhà Đại An - Saigontourist	34.096.500.000	38,00%	34.096.500.000	38,00%
Công ty TNHH Khách sạn Sài Gòn Cần Thơ	5.262.788.108	50,00%	5.262.788.108	50,00%
<b>Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên doanh</b>	<b>770.705.031.482</b>		<b>770.705.031.482</b>	

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Mẫu số B 09a – DN

**5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

**Công ty liên kết**

	30.6.2020		31.12.2019	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	581.551.600.000	49,00%	581.551.600.000	49,00%
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Quê Hương	354.000.000.000	29,50%	354.000.000.000	29,50%
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Bình Châu	202.976.256.000	23,83%	202.976.256.000	23,83%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	100.576.960.000	38,96%	100.576.960.000	38,96%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sovico - Phú Quốc (*)	175.000.000.000	25,00%	87.500.000.000	25,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Thủ Đức	63.294.320.000	49,00%	63.294.320.000	49,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Saigontourist	58.500.000.000	25,00%	58.500.000.000	25,00%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	49.626.600.000	37,27%	49.626.600.000	37,27%
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	48.041.000.000	38,86%	48.040.969.959	38,86%
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	42.595.600.000	28,40%	42.595.600.000	28,40%
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	36.160.510.000	48,87%	36.160.510.000	48,87%

## TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

### 5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### (b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

##### Công ty liên kết (tiếp theo)

	30.6.2020 Giá trị VND	% sở hữu	31.12.2019 Giá trị VND	% sở hữu
			30.6.2020 Giá trị VND	
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	24.523.632.020	36,70%	24.523.632.020	36,70%
Công ty Cổ Phàn Khách sạn Sài Gòn Quảng Bình	23.400.000.000	36,00%	23.400.000.000	36,00%
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Nhà Đỏng Hiệp	20.000.000.000	28,00%	20.000.000.000	28,00%
Công ty Cổ phần Du lịch Khách San Sài Gòn Mũi Né	17.000.000.000	33,33%	17.000.000.000	33,33%
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Qui Nhơn	16.700.000.000	22,27%	16.700.000.000	22,27%
Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn Phú Quốc	13.014.400.000	40,67%	13.014.400.000	40,67%
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Tourance	13.000.000.000	43,33%	13.000.000.000	43,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Du lịch Mê Kông	8.627.130.000	28,76%	8.627.130.000	28,76%
Công ty Cổ phần Phát Triển A&B	5.843.750.000	25,00%	5.843.750.000	25,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - An Phát	5.000.000.000	25,00%	5.000.000.000	25,00%
Công ty TNHH TM Dịch vụ Sài Gòn Bóng Sen	3.500.000.000	35,00%	3.500.000.000	35,00%
 Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên kết	 1.862.931.758.020		 1.775.431.727.979	
 Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	 2.633.636.789.502		 2.546.136.759.461	

(\*) Theo Nghị Quyết Hội Đồng Thành Viên số 08/NQ-HĐTV ngày 11 tháng 2 năm 2020, Tổng Công ty đã tiến hành góp vốn mua thêm 8.750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Gòn Sovico - Phú Quốc với số tiền 87.500.000.000 Đồng trong năm 2020. Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty không đổi, do việc mua thêm cổ phần tương ứng với việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Sovico - Phú Quốc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do cổ phiếu các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu

	30.6.2020		31.12.2019	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương	104.919.300.000	3,49%	104.919.300.000	3,49%
Công ty Cổ phần Hàng Không Jetstar Pacific Airline	40.015.250.000	1,14%	40.015.211.107	1,14%
Trong giá trị đầu tư cổ phiếu	144.934.550.000		144.934.511.107	

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Mẫu số B 09a – DN

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(c) Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác

	30.6.2020		31.12.2019	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	231.664.896.000	14,44%	231.664.896.000	14,44%
Công ty Cổ phần Khách sạn Bông Sen	203.968.750.000	3,61%	203.968.750.000	3,61%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn	43.200.000.000	13,33%	43.200.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim	28.620.000.000	6,46%	28.620.000.000	6,46%
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Cam Ranh	24.716.000.000	5,00%	24.716.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Sài Gòn	24.135.060.000	11,03%	24.135.060.000	11,03%
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	18.257.500.000	16,75%	18.257.500.000	16,75%
Công ty Cổ phần Fiditour	6.000.000.000	19,64%	6.000.000.000	19,64%
Công ty Liên Doanh Đại Dương	5.417.936.000	1,69%	5.417.936.000	1,69%
Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000.000	0,95%	4.000.000.000	0,95%
Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười	2.552.916.000	7,04%	2.552.916.000	7,04%
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Liên Hiệp Vận Chuyển	746.752.459	20,00%	746.752.459	20,00%
Tổng giá trị đầu tư dài hạn khác	593.279.810.459		593.279.810.459	
Tổng giá trị đầu tư dài hạn khác	738.214.360.459		738.214.321.566	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do cổ phiếu các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

**5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(d) **Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	34.950.176.768	34.950.176.768
Công ty TNHH Sài Gòn Bản Giốc	17.943.290.028	17.943.290.028
Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak	15.384.190.525	15.384.190.525
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Phú Yên	5.404.465.830	5.404.465.830
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	1.280.301.642	1.280.301.642
	<hr/>	<hr/>
	74.962.424.793	74.962.424.793
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	26.916.461.114	26.916.461.114
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	11.220.181.944	11.220.181.944
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	3.417.706.758	3.417.706.758
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Bông Sen	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	1.129.446.724	1.129.446.724
Công ty Khách sạn Saigon Tourance	410.598.282	410.598.282
	<hr/>	<hr/>
	46.594.394.822	46.594.394.822
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airline	40.015.211.107	40.015.211.107
Công ty Cổ phần Đầu Tư Y Tế Sài Gòn	24.135.060.000	24.135.060.000
	<hr/>	<hr/>
	64.150.271.107	64.150.271.107
	<hr/>	<hr/>
	185.707.090.722	185.707.090.722
	<hr/>	<hr/>

Theo Thuyết minh 2.8, dự phòng đầu tư tài chính sẽ được đánh giá lại vào cuối năm do Tổng Công ty áp dụng Nghị định 91/2015/NĐ-CP.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Parkson Việt Nam	82.167.046.295	82.544.488.595
Công ty Cổ phần Fiditour	26.218.080.000	26.218.080.000
Khác	31.182.926.728	56.184.433.535
	<hr/>	<hr/>
	139.568.053.023	164.947.002.130
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))</b>		
	<hr/>	<hr/>
	303.392.866	2.596.773.684
	<hr/>	<hr/>
	139.871.445.889	167.543.775.814
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn từ bên thứ ba đã quá hạn thanh toán lần lượt là 113.977.516.653 Đồng và 30.035.305.678 Đồng.

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Thành Nhơn liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng vốn	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu tạm ứng cấp vốn cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	78.000.000.000	78.000.000.000
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia (Thuyết minh 30(b))	57.287.739.016	61.472.946.771
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C (**)	29.280.670.800	29.280.670.800
Thu tiền thuê đất khu Quận 1 (*)	8.502.837.760	8.502.837.760
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.260.274	26.892.054.791
Các khoản khác	28.879.424.345	17.477.160.089
	<hr/>	<hr/>
	301.959.932.195	321.625.670.211
	<hr/>	<hr/>

(\*) Bao gồm khoản thu từ một bên liên quan - Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Sài Gòn Bông Sen tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 là 8.502.837.760 Đồng.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C (**)	46.471.200.000	46.471.200.000
Các khoản khác	59.857.274	74.857.274
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	46.531.057.274	46.546.057.274
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*\*) Phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C bao gồm giá trị thương quyền của khu đất 34 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (khoản phải thu dài hạn) và giá trị móng cọc tòa nhà One Tower được xây dựng trên khu đất này (khoản phải thu ngắn hạn). Theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C, giá trị thương quyền của khu đất sẽ được hoàn trả lại cho Tổng Công ty khi công trình đưa vào hoạt động kinh doanh và giá trị móng cọc của tòa nhà sẽ được thanh toán theo lịch trình được thỏa thuận giữa hai công ty.

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Tiền thuê đất	53.361.769.320	53.361.769.320
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mở rộng Khách sạn Bến Thành	11.469.318.635	11.618.918.441
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.697.510.596	10.384.881.052
Chi phí sửa chữa	3.847.683.324	1.499.220.554
Khác	1.698.074.806	4.792.840.091
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	77.074.356.681	81.657.629.458
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2020 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019 VND
Số dư đầu kỳ/năm	81.657.629.458	98.981.713.246
Tăng kỳ/năm	4.232.099.006	16.258.447.233
Phân bổ trong kỳ/năm	(8.815.371.783)	(33.582.531.021)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	77.074.356.681	81.657.629.458
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

(a) Tài sản có định hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quân lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.729.955.113.289	686.301.114.589	111.648.917.730	16.449.979.242	61.669.265.875	<b>2.606.024.390.725</b>
Mua trong kỳ	-	1.527.850.000	-	211.745.455	-	<b>1.739.595.455</b>
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	1.650.577.776	986.099.092	-	-	809.357.909	<b>3.446.034.777</b>
Thanh lý	-	(2.751.322.655)	-	(30.128.091)	(839.717.519)	<b>(3.621.168.265)</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	<b>1.731.605.691.065</b>	<b>686.063.741.026</b>	<b>111.648.917.730</b>	<b>16.631.596.606</b>	<b>61.638.906.265</b>	<b>2.607.588.852.692</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.064.557.442.378	632.269.006.793	80.215.520.553	14.129.600.533	59.253.441.835	<b>1.850.425.012.092</b>
Khấu hao trong kỳ (*)	27.439.761.243	14.624.220.096	4.265.280.210	663.357.648	841.255.915	<b>47.833.875.112</b>
Thanh lý	-	(2.751.322.655)	-	(30.128.091)	(839.717.519)	<b>(3.621.168.265)</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	<b>1.091.997.203.621</b>	<b>644.141.904.234</b>	<b>84.480.800.763</b>	<b>14.762.830.090</b>	<b>59.254.980.231</b>	<b>1.894.637.718.939</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	<b>665.397.670.911</b>	<b>54.032.107.796</b>	<b>31.433.397.177</b>	<b>2.320.378.709</b>	<b>2.415.824.040</b>	<b>755.599.378.633</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	<b>639.608.487.444</b>	<b>41.921.836.792</b>	<b>27.168.116.967</b>	<b>1.868.766.516</b>	<b>2.383.926.034</b>	<b>712.951.133.753</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 1.258.227.068.066 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.203.113.854.930 Đồng).

(\*) Bao gồm khấu hao trong kỳ của máy móc liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh là 7.779.058.025 Đồng.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HÌNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản có định hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	51.867.478.382	27.220.302.404	3.311.176.735	82.398.957.521
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	30.907.518.986	16.941.129.886	3.311.176.735	51.159.825.607
Khấu hao trong kỳ	-	1.935.711.905	-	1.935.711.905
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	30.907.518.986	18.876.841.791	3.311.176.735	53.095.537.512
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	20.959.959.396	10.279.172.518	-	31.239.131.914
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	20.959.959.396	8.343.460.613	-	29.303.420.009

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 41.601.984.694 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 41.601.984.694 Đồng).

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Mẫu số B 09a – DN

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	12.887.946.667 _____	61.852.033.763 _____	14.471.854.995 _____	89.211.835.425 _____
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 Khấu hao trong kỳ	12.887.946.667 - _____	48.487.815.371 1.104.561.000 _____	14.471.854.995 - _____	75.847.617.033 1.104.561.000 _____
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	12.887.946.667 _____	49.592.376.371 _____	14.471.854.995 _____	76.952.178.033 _____
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	- _____	13.364.218.392 _____	- _____	13.364.218.392 _____
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	- _____	12.259.657.392 _____	- _____	12.259.657.392 _____

Nguyên giá bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 33.983.785.337 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 33.983.785.337 Đồng).

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỞ DẶNG**

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Công trình mở rộng khách sạn Cửu Long	515.874.949.069	491.478.935.650
Công trình đài phun nước, dự án không gian cảnh quan trực đường Lê Lợi	22.751.444.964	22.494.581.327
Dự án cải tạo 38 phòng ngủ của khách sạn Đồng Khánh	6.784.239.442	6.784.239.442
Dự án nâng cấp nhà hàng Cẩm Chướng Khu Du lịch Văn Thánh	6.546.325.843	5.010.172.314
Dự án nâng cấp nhà hàng khách sạn Thiên Hồng	4.367.629.563	4.254.902.290
Công trình mở rộng khách sạn Hoàn Cầu	3.105.876.000	3.105.876.000
Dự án khác	19.258.790.971	13.168.795.985
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	578.689.255.852	546.297.503.008
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2020 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019 VND
Số dư đầu kỳ/năm	546.297.503.008	481.681.932.930
Tăng trong kỳ/năm	37.062.909.768	110.815.598.945
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(3.446.034.777)	(35.092.548.846)
Khác	(1.225.122.147)	(11.107.480.021)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	578.689.255.852	546.297.503.008
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Bên thứ ba	26.094.117.189	54.844.392.355
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	58.778.364	276.511.222
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	26.152.895.553	55.120.903.577
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30.06.2020 VND	31.12.2019 VND
<b>Thuế phải nộp</b>		
Tiền thuê đất	155.729.467.668	105.664.965.181
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.278.869.383	17.755.498.067
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.130.533.002	8.079.632.256
Thuế TNDN – hiện hành	25.747.663.101	52.918.390.918
Thuế thu nhập cá nhân	179.043.549	1.363.779.811
Thuế khác	6.815.558.463	714.626.686
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	199.881.135.166	186.496.892.919
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<b>Thuế phải thu</b>		
Thuế thu nhập cá nhân	2.664.208.084	2.173.565.678
Tiền thuê đất	1.771.221.804	1.771.221.804
Lợi nhuận nộp thừa nhà nước	8.607.360.337	-
Thuế khác	-	59.847.984
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	13.042.790.225	4.004.635.466
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong kỳ của thuế và các khoản khác phải nộp/phải thu Nhà Nước như sau:

	Tai ngày 1.1.2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp/ cần trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Tai ngày 30.6.2020 VND
<b>Thuế phải nộp</b>					
Tiền thuê đất	105.664.965.181	95.548.387.508	(45.483.885.021)	-	155.729.467.668
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.755.498.067	61.505.591.655	(72.982.220.339)	-	6.278.869.383
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.079.632.256	30.138.679.345	(33.087.778.599)	-	5.130.533.002
Thuế TNDN – hiện hành (*)	52.918.390.918	3.088.450.486	(30.259.178.303)	-	25.747.663.101
Thuế thu nhập cá nhân	1.363.779.811	4.670.348.837	(8.723.775.867)	-	179.043.549
Lợi nhuận phải nộp Nhà nước	-	296.392.639.663	(305.000.000.000)	8.607.360.337	-
Thuế khác	714.626.686	9.877.198.115	(3.776.266.338)	-	6.815.558.463
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	186.496.892.919	501.221.295.609	(499.313.104.467)	11.476.051.105	199.881.135.166
<b>Số đã cần trừ trong kỳ VND</b>					
Tai ngày 1.1.2020 VND	Số phải thu trong kỳ VND				
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<b>Thuế phải thu</b>					
Thuế GTGT đầu vào	-	8.259.682.538	(8.259.682.538)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.173.565.678	512.308.268	(2.890.356.630)	2.868.690.768	2.664.208.084
Tiền thuê đất	1.771.221.804	-	-	-	1.771.221.804
Lợi nhuận nộp thừa Nhà nước	-	-	(59.847.984)	8.607.360.337	8.607.360.337
Thuế khác	59.847.984	-	-	-	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	4.004.635.466	8.771.990.806	(11.209.887.152)	11.476.051.105	13.042.790.225

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**

(\*) Thuế TNDN bao gồm 501.586.690 Đồng tiền thuế TNDN phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2020 và 2.586.863.796 Đồng tiền thuế TNDN nộp bổ sung năm 2017 theo Quyết định số 1044/QĐ-CT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

**14 PHẢI TRẢ KHÁC**

**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh tại:		
- Khối văn phòng	9.204.745.313	9.204.745.313
- Khách sạn Đệ Nhất	-	605.657.522
- Khách sạn Bến Thành	-	3.063.537.553
- Khách sạn Cửu Long	-	325.274.461
- Khách sạn Đồng Khởi	48.230.610.303	22.320.703.946
Phải trả liên quan đến dự án đài phun nước, dự án không gian cảnh quan trực đường Lê Lợi	36.363.636.363	22.727.272.727
Nhận ký quỹ, ký cược	6.732.117.860	6.084.402.000
Khác	23.958.356.063	20.184.157.539
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	124.489.465.902	84.515.751.061
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Dài hạn**

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	60.871.781.257	61.062.085.257
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh tại:		
- Khách sạn Đệ Nhất	2.102.426.627	2.102.426.627
- Khách sạn Bến Thành	7.394.347.054	8.485.675.540
- Khách sạn Đồng Khởi	9.004.777.781	9.004.777.781
- Khách sạn Cửu Long	14.400.511.978	15.874.360.118
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	93.773.844.697	96.529.325.323
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

**15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Số dư đầu kỳ/năm	144.322.999.665	97.194.334.993
Tăng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 18(b))	-	128.574.758.500
Tăng khác	-	3.274.595.289
Sử dụng	<u>(40.948.327.755)</u>	<u>(84.720.689.117)</u>
Số dư cuối kỳ/năm	<u>103.374.671.910</u>	<u>144.322.999.665</u>

**16 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI**

	2020 VND	2019 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>8.186.076.468</u>	<u>8.186.076.468</u>

## 16 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI (tiếp theo)

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2020	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	8.186.076.468	1.009.966.144
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 27)	-	7.176.110.324
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>8.186.076.468</b>	<b>8.186.076.468</b>

Chi tiết của tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	30.6.2020	31.12.2019
	VND	VND
Dự phòng đầu tư	7.677.846.475	7.677.846.475
Chi phí phải trả	488.539.768	488.539.768
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ và các khoản phải thu	19.690.225	19.690.225
<b>8.186.076.468</b>	<b>8.186.076.468</b>	<b>8.186.076.468</b>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại 6 tháng đầu năm 2020 là 20% (2019: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cản trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

## 17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Quyết định số 4849/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 1 tháng 1 năm 2014 đã chấp thuận tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 5.300.000 triệu Đồng lên 6.410.755 triệu Đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn góp của chủ sở hữu là 6.410.755 triệu Đồng.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sáp xếp doanh nghiệp VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
7.018.394.876.222	-	-	-	739.661.517.731	7.758.056.393.953
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019				989.301.605.274	989.301.605.274
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(194.821.168.847)	(194.821.168.847)
Trích lợi nhuận nộp vào ngân sách Nhà nước	-	-	-	14.821.168.847	14.821.168.847
Tăng do điều chỉnh lợi nhuận còn lại phải nộp ngân sách năm 2018	-	-	-		
Chuyển lợi nhuận theo hợp tác kinh doanh	-	-	-		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 15)	(186.215.335.550)	-	401.240.707.185	(91.938.884.392)	(91.938.884.392)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(421.424.540.672)	421.424.540.672	-	(128.574.758.500)	(128.574.758.500)
Chuyển từ vốn điều lệ sang vốn Khác	-	-	-		
Trích quỹ hỗ trợ sáp xếp doanh nghiệp	-	-	-		
Nộp quỹ hỗ trợ sáp xếp doanh nghiệp vào ngân sách Nhà nước	-	-	-		
Khác	-	-	-		
Tai ngày 31 tháng 12 năm 2019				134.722.986	134.722.986
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.113.558.831.464	8.346.979.079.321
Trích lợi nhuận nộp vào ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 13)	-	-	-	3.732.680.004	3.732.680.004
Khác	-	-	-	(296.392.639.663)	(296.392.639.663)
				(2.999.362.641)	(2.999.362.641)
Tai ngày 30 tháng 6 năm 2020	6.410.755.000.000	421.424.540.672	401.240.707.185	817.899.509.164	8.051.319.757.021

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

**19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**

(a) **Ngoại tệ các loại**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	30.6.2020	31.12.2019
USD	2.427.082	2.582.821
JPY	10.000	154.000
GPB	100	300
CAD	100	1.500
BTH	-	1.402
SGD	-	864

(b) **Tài sản thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu có thể thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 3.818.064.748.178 Đồng và 2.789.473.844.698 Đồng tương ứng cho kỳ/năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 (Thuyết minh 31).

**20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2020</b>	<b>30.6.2019</b>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ ăn uống	187.681.702.372	359.540.941.774
Doanh thu dịch vụ phòng ngủ	136.467.838.698	385.122.434.277
Doanh thu cho thuê tài sản	82.725.164.049	117.044.710.364
Phí phục vụ	17.613.697.568	40.158.786.356
Thu học phí	13.780.966.914	35.182.089.048
Doanh thu vận chuyển	2.364.126.946	6.962.359.035
Doanh thu khác	33.585.817.021	57.423.334.373
	<hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/>
	474.219.313.568	1.001.434.655.227

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2020 VND	30.6.2019 VND
Chi phí nhân viên	125.328.928.631	159.450.398.017
Tiền thuê đất	87.178.586.416	70.971.905.518
Chi phí nguyên vật liệu	70.591.251.150	129.725.523.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	38.406.448.620	71.290.042.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.927.760.314	65.825.982.012
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.254.211.363	30.051.358.563
Chi phí khác	44.236.639.352	81.728.504.357
	<hr/> 420.923.825.846	<hr/> 609.043.714.642
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2020 VND	30.6.2019 VND
Lãi tiền gửi	47.772.779.581	37.053.415.478
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 30(a))	18.305.839.215	121.321.222.186
Lãi từ hoạt động hợp tác kinh doanh	3.844.800.000	29.866.013.089
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	86.286.037	88.148.341
	<hr/> 70.009.704.833	<hr/> 188.328.799.094
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2020 VND	30.6.2019 VND
Chi phí khác	74.244.048	69.117.126
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2020	30.6.2019
	VND	VND
Hoa hồng bán hàng	15.262.897.311	38.031.530.496
Chi phí quảng cáo	7.900.166.845	8.528.961.203
Chi phí nhân viên	6.817.045.712	12.407.591.780
Chi phí khác	1.206.007.788	2.248.008.979
	<hr/> 31.186.117.656	<hr/> 61.216.092.458
	<hr/>	<hr/>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2020	30.6.2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	42.942.171.327	67.280.635.253
Chi phí thuê đất	20.843.791.960	11.625.924.969
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.688.641.372	4.221.267.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.413.658.808	1.677.064.746
Chi phí đồ dùng văn phòng	414.957.911	548.925.888
Chi phí khác	19.563.969.683	24.444.310.094
	<hr/> 89.867.191.061	<hr/> 109.798.128.040
	<hr/>	<hr/>

26 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2020	30.6.2019
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi do thanh lý TSCĐ	147.441.970	740.182.253
Các khoản thu nhập khác	3.016.557.184	2.335.508.333
	<hr/> 3.163.999.154	<hr/> 3.075.690.586
<b>Chi phí khác</b>	<hr/> 1.107.372.250	<hr/> 429.984.158
	<hr/>	<hr/>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

**27 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2020</b> VND	<b>30.6.2019</b> VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.234.266.694	412.282.108.483
Thuế tính ở thuế suất 20%	846.853.339	82.456.421.697
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.661.167.842)	(24.336.298.231)
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	3.315.901.193	-
Khác	-	400.000
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>501.586.690</u>	<u>58.120.523.466</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	501.586.690	58.120.523.466
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 16)	-	-
	<u>501.586.690</u>	<u>58.120.523.466</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2020</b> VND	<b>30.6.2019</b> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.156.259.556	139.869.681.618
Chi phí nhân viên	175.088.145.670	239.138.625.050
Tiền thuê đất	108.022.378.376	82.597.830.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.386.606.289	67.567.303.456
Chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	43.095.089.992	75.511.310.047
Chi phí khác	99.228.654.680	175.373.184.482
	<u>541.977.134.563</u>	<u>780.057.935.140</u>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

29 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG ("BCLCTT")

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Mua TSCĐ nhưng chưa thanh toán	-	3.452.440.569

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Định nghĩa các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh 2.26 và chi tiết các bên liên quan là công ty con, công ty liên kết, liên doanh được trình bày ở Thuyết minh 5.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2020 VND	30.6.2019 VND
<i>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</i>		
Công ty con	3.050.655.174	11.682.467.925
Công ty liên doanh, liên kết	191.838.329	273.418.181
Bên liên quan khác	350.423.593	356.998.188
	<hr/>	<hr/>
	3.592.917.096	12.312.884.294
	<hr/>	<hr/>
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Công ty con	2.718.705.554	2.827.429.966
Công ty liên doanh, liên kết	757.514.971	322.864.156
Bên liên quan khác	-	264.624.993
	<hr/>	<hr/>
	3.476.220.525	3.414.919.115
	<hr/>	<hr/>
<i>iii) Góp vốn</i>		
Công ty liên doanh, liên kết	87.500.000.000	10.341.503.333
	<hr/>	<hr/>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2020	30.6.2019
	VND	VND

iv) Nhận cổ tức, lợi nhuận (Thuyết minh 22)

Công ty con	-	45.462.188.624
Công ty liên doanh, liên kết	18.305.839.215	47.084.866.897
Các bên liên quan khác	-	28.774.166.665
	<hr/>	<hr/>
	18.305.839.215	121.321.222.186
	<hr/>	<hr/>

v) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Lương và các quyền lợi gộp khác	8.209.750.677	10.013.942.855
	<hr/>	<hr/>

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.6.2020	31.12.2019
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)</b>		
Công ty con	303.392.866	756.066.643
Công ty liên doanh, liên kết	-	1.840.707.041
	<hr/>	<hr/>
	303.392.866	2.596.773.684
	<hr/>	<hr/>

**Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia (Thuyết minh 7(a))**

Công ty con	23.791.573.232	23.976.780.987
Công ty liên doanh, liên kết	32.490.294.284	36.490.294.284
Các bên liên quan khác	1.005.871.500	1.005.871.500
	<hr/>	<hr/>
	57.287.739.016	61.472.946.771
	<hr/>	<hr/>

**Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)**

Công ty con	58.342.000	276.511.222
Công ty liên doanh, liên kết	436.364	-
	<hr/>	<hr/>
	58.778.364	276.511.222
	<hr/>	<hr/>

# TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09a – DN

## 31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Dưới 1 năm	120.170.797.852	121.029.434.382
Từ 1 đến 5 năm	409.032.184.267	281.535.212.854
Trên 5 năm	3.288.861.766.059	2.386.909.197.462
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<hr/> 3.818.064.748.178 <hr/>	<hr/> 2.789.473.844.698 <hr/>

## 32 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

	30.6.2020 VND	31.12.2019 VND
Công trình xây dựng, máy móc và thiết bị	<hr/> 4.467.582.072 <hr/>	<hr/> 22.759.812.216 <hr/>

## 33 CÔNG NỢ TIỀM TẶNG

Việc truy thu tiền thuê đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (từng là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2003 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 và nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (là công ty liên kết của Tổng Công ty từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến nay)) (gọi chung là “Công ty Du lịch Phú Thọ”)

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty nhận được Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tại Thời điểm Chính thức Chuyển thành Công ty Cổ phần của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) do Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII phát hành (“Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước”), với thời kỳ kiểm toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ngày 30/6/2014 đến thời điểm trước khi chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ngày 16/5/2016.

Theo đó, đối với khoản tiền thuê đất truy thu, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII kiến nghị Công ty Du lịch Phú Thọ nộp ngân sách Nhà nước tiền thuê đất được xác định tăng thêm là 105.254.993.119 Đồng cho giai đoạn từ 1/7/2014 đến 16/5/2016 (“giai đoạn chuyển thể”) đối với Lô đất Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Công viên Đàm Sen).

### 33 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Bên cạnh đó, Kiểm toán Nhà nước cũng tạm tính truy thu tiền thuê đất cho giai đoạn từ 1/1/2006 đến 30/6/2014 ("giai đoạn trước giai đoạn chuyển thể") đối với Lô đất Công viên Đàm Sen là 130.634.137.200 Đồng. Số tiền này cũng đã tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và thu hồi lại một phần khi phát hành cổ phiếu.

Các kiến nghị xử lý khác từ Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII như sau:

- Công ty Du lịch Phú Thọ giảm lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn chuyển thể nộp về Tổng Công ty số tiền 75.271.406.874 Đồng do ảnh hưởng từ sự tăng lên của tiền thuê đất truy thu giai đoạn chuyển thể 105.254.993.119 Đồng, và thuế thu nhập doanh nghiệp giảm trong giai đoạn này do thay đổi doanh thu, chi phí theo kết quả kiểm toán là 22.378.333.395 Đồng.
- Đề nghị Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Công ty Du lịch Phú Thọ thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước này; báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII trước ngày 31 tháng 10 năm 2020. Trong Báo cáo Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện, kiến nghị đang thực hiện, kiến nghị chưa thực hiện (giải thích rõ lý do chưa thực hiện).

Sau khi nhận được Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước phát hành bởi Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, đối với các khoản tiền thuê đất truy thu trước thời điểm cổ phần hóa Công ty Du lịch Phú Thọ như trên, do Công ty Du lịch Phú Thọ đã nộp lợi nhuận về Tổng Công ty và Tổng Công ty đã thực hiện nộp các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước trong giai đoạn này, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 573/TCT-TCKT ngày 22 tháng 7 năm 2020 đến Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xin kiến nghị không truy thu số tiền thuê đất cho giai đoạn trước giai đoạn chuyển thể cũng như đề nghị hướng xử lý tài chính đối với khoản tiền thuê đất cho giai đoạn chuyển thể và đang đợi ý kiến phản hồi từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, việc xử lý tiền thuê đất truy thu cho giai đoạn trước chuyển thể và giai đoạn chuyển thể vẫn đang chờ chỉ đạo xử lý tài chính từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tổng Công ty chưa có cơ sở đáng tin cậy để ghi nhận các khoản tiền thuê đất truy thu này. Theo đó, Tổng Công ty chưa ghi nhận các nghĩa vụ nợ này trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đánh giá đây là khoản nợ tiềm tàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## 34 SỰ KIỆN SAU NIÊN ĐỘ

Sự tái bùng phát và lan rộng trở lại của Virus Covid-19 từ sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 là một tình huống đầy khó khăn và thách thức cho tất cả các ngành nghề kinh doanh. Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của vấn đề này đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng như đánh giá khả năng thu hồi tài sản, đánh giá cách ghi nhận tài sản và nợ phải trả. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục ước tính ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính riêng trong kỳ tiếp theo của Tổng Công ty và sẽ tiếp tục theo dõi và đưa ra những biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của vấn đề này.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Ban Tổng Giám Đốc phê chuẩn ngày 14 tháng 8 năm 2020.

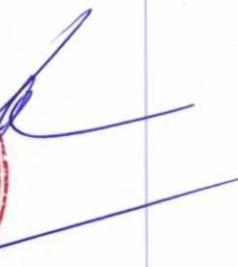


Trần Văn Huy  
Người lập



M.S.D.N. 0300625210 - 07  
TỔNG CÔNG TY  
DU LỊCH  
SAIGON  
- TRẠCH NHIỆM HỮU HẠN -  
MỘT THÀNH VIÊN  
SAIGONTOURIST  
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Doãn Định  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bình Minh  
Tổng Giám đốc